

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Số ~~150~~ 2/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Điện Biên, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đưa ra khỏi và bổ sung, thay thế danh sách người có uy tín trong
đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Công văn số 285/UBND-DTTS ngày 29/03/2018 của Ủy ban Dân tộc về việc triển khai thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 61/UBND-DTTS ngày 18/01/2019 của Ủy ban Dân tộc về việc thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ năm 2019;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 672/TTr-BDT ngày 25/12/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách đưa ra khỏi và bổ sung, thay thế danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên năm 2021, cụ thể như sau:

1. Tổng số người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên năm 2020 đã phê duyệt tại Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh là 1.239 người.

2. Rà soát đưa ra, thay thế và bổ sung danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên năm 2021 gồm: Đưa ra khỏi danh sách là 114 người; Thay thế, bổ sung danh sách là 116 người *(có danh sách theo phụ lục 01)*.

3. Tổng số người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên năm 2021 sau khi rà soát điều chỉnh là 1.241 người *(có danh sách theo phụ lục 02)*.

Điều 2. Các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 được công nhận là người có uy tín trong thời gian 04 năm và được bổ sung, thay thế hàng năm; được

hưởng các chế độ, chính sách quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Điện Biên.

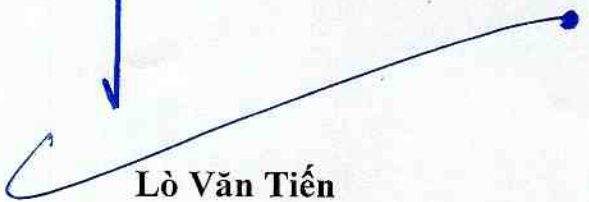
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Báo Dân tộc & Phát triển;
- Lưu: VT, KT^(NQT), NC^(ĐCT).

(b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lò Văn Tiến

TỔNG HỢP DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN ĐƯA RA, THAY THẾ, BỔ SUNG NĂM 2021 - TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên)

Biểu 01

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng						Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
TỔNG CỘNG				114								116					
A	TP Điện Biên Phủ			3								4					
I	Phường Nam Thanh											1					
									Lò Văn Thận	1965			Thái	Trưởng bản	Bản Pa Pe	Bổ sung	
II	Xã Thanh Minh			2								2					
1	Lường Văn Chứa	1958			Thái		Bản Púng Tôm	Chết	Lò Văn Chiến	1958			Thái		Bản Púng Tôm	Thay thế	
2	Ngô Văn Dừa	1972			Mông		Bản Kê Nênh	Xin nghỉ	Dương Văn Minh	1967			Mông		Bản Kê Nênh	Thay thế	
III	Xã Nà Nhạn			1								1					
1	Tòng Văn Lả	1950			Thái		Bản Nà Ngám	Chết	Lường Văn Pánh	1959			Thái		Bản Nà Ngám		
B	Thị xã Mường Lay			3								4					
I	Phường Na Lay			1								2					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)					(10)	(11)	(12)	(13=11+1)					
(1)					(6)	(7)	(8)	(9)					(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Lò Thị Xiêm		1955		Thái		Tổ dân phố 1	Ôm yếu, bệnh tật	Khoảng Thị Phạnh		1952		Thái	Bí thư chi bộ	Tổ dân phố 1	Thay thế	
2									Lò Văn Óp	1954			Thái	Cán bộ nghỉ hưu	Tổ dân phố 3	Bổ sung	
II	Xã Lay Nưa			2								2					
1	Lò Văn Phân	1956			Thái	Già làng	Bản Ho Luông 1	Ôm yếu, bệnh tật	Khoảng Thị Chai		1961		Thái	Cán bộ nghỉ hưu	Bản Ho Luông 1	Thay thế	
2	Khoảng Văn Ngạch	1942			Thái	Cán bộ nghỉ hưu	Bản Ho Cang	Ôm yếu, bệnh tật	Lâm Tiến Xuân	1953			Thái	Cán bộ nghỉ hưu	Bản Ho Cang	Thay thế	
C	Huyện Mường Chà			6								6					
I	Xã Pa Ham			2								2					
1	Vừ Sái Páo	1958			Mông	Nông dân	Bản Huổi Bon	Đã chết	Thào Chĩa Tùng	1972			Mông	Nông dân	Bản Huổi Bon	Thay thế	
2	Lò Văn Chân	1966			Thái	Nông dân	Bản Phong Châu	Xin rút	Lò Văn Khẹt	1965			Thái	Nông dân	Bản Phong Châu	Thay thế	
II	Xã Mường Tùng			2								2					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)					(10)	(11)	(12)	(13=11+1)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
3	Lường Văn Kiêm	1952			Thái	Nông dân	Bản Mường Túng	Già yếu	Lù Thị Thom		1970		Thái	Nông dân	Bản Mường Túng	Thay thế	
4	Giàng Giá Thùng	1974			Mông	Kinh doanh giỏi	Bản Huổi Chá	Không tín nhiệm	Giàng Chá Đế	1972			Mông	Trưởng bản	Bản Huổi Chá	Thay thế	
III	Xã Hừa Ngải			2								2					
5	Sùng Chứ Cửa	1964			Mông	Nông dân	Bản Phua Di Tổng	Không tín	Mùa Vạn Nhè	1972			Mông	Nông dân	Bản Phua Di Tổng	Thay thế	
6	Giàng Nhè Thàng	1947			Mông	Nông dân	Bản San Suối	Không tín	Giàng Sáy Vừ	1954			Mông	Trưởng	Bản San Suối	Thay thế	
D	Huyện Mường Ảng			3								3					
I	Xã Ảng Nưa			1								1					
1	Lù Văn Ấn	1955			Thái	Cán bộ Hưu trí	Bản Lé	Qua đời	Lù Văn Ọn	1956			Thái	Già Làng	Bản Lé	Thay thế	
II	Xã Xuân Lao			1								1					
1	Sùng Dứa Hờ	1960			Mông	Già làng	Bản Thảm Tọ	Không tín nhiệm	Vàng Giồng Sênh	1978			Mông	Thành phần khác	Bản Thảm Tọ	Thay thế	
III	Xã Ảng Cang			1								1					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)					(10)	(11)	(12)	(13=11+1)					
1	Lò Văn Khang	1936			Thái	Già làng	Bản Kéo	Già yếu, sức khỏe không đảm bảo	Lò Văn Sỹ	1954			Thái	Già làng	Bản Kéo	Thay thế	
E	Huyện Mường Nhé			24								24					
I	Xã Sín Thầu			1								1					
1	Chang Chang Xá	1975			Hà Nhì	TP khác	Tá Miếu	Ổm yếu	Mạ Gió Tư	1960			Hà Nhì	CB Nghi hưu	Tá Miếu	Thay thế	
II	Xã Mường Nhé			10								10					
1	Lò Văn Hảo	1983			Thái	TP khác	Nà Pán	Không tín nhiệm	Lành Văn Điệp	1982			Thái	TP khác	Nà Pán	Thay thế	
2	Vừ Nò Chứ	1959			Mông	TP khác	Nậm Pồ 1	Không tín nhiệm	Mùa A Páo	1974			Mông	TP khác	Nậm Pồ 1	Thay thế	
3	Hàng A Tú A	1962			Mông	Già làng	Nậm Pồ 2	Không tín nhiệm	Tổng Văn Biên	1967			Mông	TP khác	Nậm Pồ 2	Thay thế	
4	Thảo Vàng Hà	1970			Mông	TP khác	Nậm Pồ 4	Không tín nhiệm	Vừ Sính Khua	1976			Mông	TP khác	Nậm Pồ 4	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
		Năm sinh								Năm sinh							
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
5	Chang A Vừ	1963			Mông	Già làng	Huổi Cọ	Không tín nhiệm	Sùng A Sừ	1983			Mông	TP khác	Huổi Cọ	Thay thế	
6	Mùa A Tùng	1970			Mông	Trưởng bản	Co Lót	Không tín nhiệm	Hạng A Lử	1962			Mông	Già làng	Co Lót	Thay thế	
7	Lê Nguyên Nam	1982			Kinh	Trưởng bản	Tổ Dân cư 2	Không tín nhiệm	Lành Thị Phiến		1963		Thái	CB Nghỉ hưu	Tổ Dân cư 2	Thay thế	
8	Khoàng Văn Dịu	1951			Thái	CB nghỉ hưu	Mường Nhé Mới	Không tín nhiệm	Lò Văn Dơ	1969			Thái	Trưởng bản	Mường Nhé mới	Thay thế	
9	Vừ Cháy Lừ	1961			Mông	Già làng	Co Lót 1	Không tín	Cứ A Páo	1969			Mông	TP khác	Co Lót 1	Thay thế	
10	Hạng A Thảo	1979			Mông	TP khác	Tân Phòng	Không tín	Vàng A Cháng	1977			Mông	TP khác	Tân Phòng	Thay thế	
III	Xã Pá Mý			1								1					
1	Vàng Thông Mãnh	1971			Dao	TP khác	Bản Huổi Lích 2	Không tín	Tản Sài Heng	1958			Dao	TP khác	Bản Huổi Lích 2	Thay thế	
IV	Xã Quảng Lâm			1								1					
1	Thào A Đài	1938			Mông	Già làng	Tàng Phon	Sức khỏe yếu	Thào A Tỏa	1978			Mông	Già làng	Tàng Phon	Thay thế	
V	Xã Nậm Kê			2								2					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)					(10)	(11)	(12)	(13=11+1)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Chào Văn Sơ	1963			Cống	TP khác	Nậm Kè	Chết	Hù Văn Thương	1978			Cống	TP khác	Nậm Kè	Thay thế	
2	Vàng A Đình	1963			Mông	Kinh tế giỏi	Huổi Khon I	Không tín nhiệm	Sùng A Kỳ	1964			Mông	KT giỏi	Huổi Khon I	Thay thế	
VI	Xã Huổi Léch			1								1					
1	Sùng A Tinh	1944			Mông	Già làng	Nậm Hính 1	Già yếu	Lý A Cháng	1976			Mông	TP khác	Nậm Hính 1	Thay thế	
VII	Xã Mường Toong			3								3					
1	Mào Văn Giới	1958			Thái	Già làng	Mường Toong 1	Do già yếu	Mào Văn Pên	1954			Thái	Già làng	Mường Toong 1	Thay thế	
2	Vừ A Đế	1991			Mông	Già làng	Huổi Lanh	Không còn uy tín	Giang A Cu	1965			Mông	TP khác	Huổi Lanh	Thay thế	
3	Lù A Pénh	1958			Mông	Già làng	Nậm Pan	Không còn uy tín	Lý A Thào	1985			Mông	TP khác	Nậm Pan	Thay thế	
VIII	Xã Sen Thượng			4								4					
1	Pờ Xuân Chừ	1952			Hà Nhi	TP khác	Tà Ló San	Già yếu	Khoảng Phu Tư	1976			Hà Nhi	TP khác	Tà Ló San	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
		Năm sinh								Năm sinh							
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Chang Go Hừ	1980			Hà Nhi	TP khác	Bản Long San	Sức khỏe yếu	Chang Gió Chừ	1983			Hà Nhi	TP khác	Bản Long San	Thay thế	
3	Lý Lý Phạ	1958			Hà Nhi	TP khác	Bản Sen Thượng	Già yếu	Lò Phạ Dền	1963			Hà Nhi	Già làng	Bản Sen Thượng	Thay thế	
4	Toán Lóng Hừ	1965			Hà Nhi	TP khác	Bản Pa Ma	Già yếu	Khoảng Lòng Cà	1983			Hà Nhi	TP khác	Bản Pa Ma	Thay thế	
IX	Xã Chung Chải			1								1					
1	Mùa A Cùa	1970			Mông	Già làng	Húi To 2	Chết	Mùa A Nئه	1968			Mông	Già làng	Húi To 2	Thay thế	
F	Huyện Tủa Chùa			5								5					
I	Xã Mường Báng			2								2					
1	Tòng Văn Chính	1956			Thái	Già làng	Tiên Phong	Già yếu	Tòng Văn Tịch	1954			Thái	Già làng	Tiên Phong	Thay thế	
2	Sùng A Vừ	1955			Mông	Già làng	Háng Trở	Già yếu	Giàng A An	1974			Mông	Già làng	Háng Trở	Thay thế	
II	Thị trấn			2								2					
1	Giàng A Thảo	1948			Mông	Khác	Đông Phi 2	Già yếu	Thào A Chur	1962			Mông	cán bộ hưu	Đông Phi 2	Thay thế	
2	Giàng A Sừ	1942			Mông	Già làng	Huổi Léch	Già yếu	Giàng A Cu	1989			Mông	Thành phần khác	Huổi Léch	Thay thế	
III	Sính Phình			1								1					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)					(10)	(11)	(12)	(13=11+1)					
(1)					(6)	(7)	(8)	(9)					(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Sùng A Lữ	1985			Mông	Khác	Phiêng Páng	Có đơn xin rút khỏi	Vàng A Lữ	1965			Mông	Thành phần khác	Phiêng Páng	Thay thế	
G	Huyện Tuần Giáo			13								13					
I	Pú Nhung			1								1					
1	Vừ Súa Sẻnh	1964			Mông	Thành phần khác	Bản Phiêng Pi	Bầu không trúng	Vừ Vả Dính	1957			Mông	cán bộ hưu	Bản Phiêng Pi	Thay thế	
II	Xã Nà Sáy			1								1					
1	Lường Văn Chung	1957			Thái	Già làng	Bản Hả	Bầu không trúng	Lò Văn Dóm	1961			Thái	Già làng	Bản Hả	Thay thế	
III	Xã Mùn Chung			2								2					
1	Lường Văn Vinh	1963			Khơ Mú	Thành phần khác	Bản Ta Lếch	Bầu không trúng	Lường Văn Phứt	1962			Khơ Mú	Trưởng bản	Bản Ta Lếch	Thay thế	
2	Lò Thị Bang		1959		Thái	Thành phần	Bản Phiêng	Do sức khỏe	Cà Văn Khỏ	1956			Thái	Thành phần	Bản Phiêng Pên	Thay thế	
IV	Xã Nà Tông			1								1					
1	Quàng Văn Tắm	1958			Thái	Già làng	Bản Nong Tông	Qua đời	Đèo Văn San	1959			Thái	Thành phần	Bản Nong Tông	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
		Năm sinh								Năm sinh							
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
V	Xã Quài Nưa			1								1					
1	Lò Văn Piến	1956			Thái	Thành phần khác	Bản Cang	Bầu không trúng	Quảng Văn Uẩn	1956			Thái	Thành phần khác	Bản Cang	Thay thế	
VI	Xã Mường Mùn			1								1					
3	Lò Văn Cọi	1950			Thái	Thành phần khác	Bản Mường 1	Bầu không trúng	Cà Văn Kính	1956			Thái	Thành phần khác	Bản Mường 1	Thay thế	
VII	Xã Pú Xi			1								1					
4	Sùng A Tùng	1986			Mông	Thành phần khác	Hua Mực 2	Bầu không trúng	Giàng A Ký	1962			Mông	Cán bộ hưu	Hua Mực 2	Thay thế	
VIII	Xã Mường Thín			1								1					
1	Mùa Khua Chay	1962			Mông	Già làng	Đông Liếng	Bầu không trúng	Giàng A Lả	1933			Mông	Già làng	Đông Liếng	Thay thế	
IX	Xã Quài Cang			2								2					
1	Lò Văn Hoàn	1974			Thái	Thành phần khác	Bản Sáo	Bầu không trúng	Lò Văn Phụng	1955			Thái	Thành phần khác	Bản Sáo	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
		Năm sinh								Năm sinh							
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Cà Văn Sam	1949			Thái	Thành phần khác	Bản Cuông	Bầu không trúng	Lò Văn Chung	1958			Thái	Thành phần khác	Bản Cuông	Thay thế	
X	Thị trấn Tuần Giáo			1								1					
1	Hà Thị Sòi		1942		Thái	Thành phần	Huổi Cũ	Tuổi cao	Nùng Văn Thộn	1958			Thái	Trưởng Khối	Huổi Cũ	Thay thế	
XI	Xã Tênh Phong			1								1					
1	Ly Gà Di	1955			Mông	Già làng	Bản Huổi Anh	Bầu không trúng	Ly A Lầu	1984			Mông	Thành phần khác	Bản Huổi Anh	Thay thế	
H	Huyện Điện Biên			21								21					
I	Xã Thanh Xương			3								3					
1	Vì Văn Ánh	1953			Thái	Khác	Bản Pá Luống	Sức khỏe yếu	Quảng Văn Nội	1951			Thái	Khác	Bản Pá Luống	Thay thế	
2	Nguyễn Văn Mười	1960			Kinh	Hưu	Bản Bôm La	Sức khỏe yếu	Lường Văn Sơn	1952			Thái	Khác	Bản Bôm La	Thay thế	
3	Lò Văn Biêng	1929			Thái	Già làng	Bản Pá Cầu	Sức khỏe yếu	Lò Văn Đón	1952			Thái	Khác	Bản Pá Cầu	Thay thế	
II	Xã Núa Ngam			4								4					
1	Lò Văn Sung	1924			Thái	Già làng	Bản Na Sang 2	Ôm đau, già yếu	Vì Văn Mậu	1955			Lào	TP khác	Bản Na Sang 2	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
		Năm sinh								Năm sinh							
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Tòng Văn Bun	1963			Khơ Mú	Già làng	Bản Pá Bông	Ôm đau, già yếu	Quảng Văn Muôn	1961			Khơ Mú	Già làng	Bản Pá Bông	Thay thế	
3	Lò Văn Siêng	1960			Khơ Mú	Già làng	Bản Pá Ngam 2	Ôm đau, già yếu	Lò Văn Lả	1962			Khơ Mú	Già làng	Bản Pá Ngam 2	Thay thế	
4	Mùa A Đông	1930			Mông	Già làng	Bản Huổi Hua	Ôm đau, già yếu	Mùa Vả Vừ	1963			Mông	Già làng	Bản Huổi Hua	Thay thế	
III	Xã Thanh lương			3								3					
1	Cà Văn Nhật	1943			Thái	Già làng	Bản Ló	Mất tín nhiệm	Lò Văn Ôn	1960			Thái	Già làng	Bản Ló	Thay thế	
2	Lường Văn Giót	1946			Thái	TP khác	Bản Bánh	Mất tín nhiệm	Lò Văn Ôn	1946			Thái	Già làng	Bản Bánh	Thay thế	
3	Lường Văn Dọn	1952			Khơ Mú	Già làng	Hua Pe	Mất tín nhiệm	Lường Thị Lả		1950		Khơ Mú	Già làng	Đội Hua Pe	Thay thế	
IV	Xã Sam Mún			3								3					
1	Lò Văn Pánh	1944			Thái	SX KD giỏi	Bản Hồng Sặt	Đã từ trần	Quảng Văn Dinh	1956			Thái	TP khác	Bản Hồng Sặt	Thay thế	
2	Lò Văn Khứt	1940			Thái	Già làng	Bản Chiềng	Mất tín nhiệm	Lò Văn Vinh	1945			Thái	TP khác	Bản Chiềng	Thay thế	
3	Lò văn Xôm	1971			Thái	TP khác	Bản Yên Cang II	Mất tín nhiệm	Lò Thị Inh		1955		Thái	TP khác	Bản Yên Cang II	Thay thế	
V	Xã Thanh An			5								5					
1	Lường Văn Chưa	1956			Thái	Già làng	Bản Xôm	Sáp nhập bản	Lò Văn Hương	1954			Thái	Già làng	Bản Xôm	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
		Năm sinh								Năm sinh							
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Lò Văn Đồi	1964			Thái	Già làng	Huổi Púng	Mất uy tín	Lò Văn Chuông	1957			Kho mú	Già làng	Huổi Púng	Thay thế	
3	Cà Văn Uân	1960			Thái	Già làng	Ten Luống	Già yếu	Cà Văn Hậu	1947			Thái	Già làng	Ten Luống	Thay thế	
4	Quảng Văn Nhói	1956			Thái	Già làng	Hồng Khoong	Kiểm nhiệm nhiều công tác	Lường Văn Piếng	1962			Thái	CB hưu	Hồng Khoong	Thay thế	
5	Lò Văn Muôn	1958			Thái	Già làng	Co Chai	Kiểm nhiệm nhiều công tác	Lò Văn Ún	1950			Thái	Già làng	Co Chai	Thay thế	
VI	Xã Mường Nhà			2								2					
1	Tòng Văn Dìn	1964			Thái	Già làng	Bản Ban	Không đảm bảo sức khỏe	Quảng Văn Toản	1983			Thái	TP khác	Bản Ban	Thay thế	
2	Vàng Súa Tủa	1960			Mông	Trưởng bản	Bản Pu Lau	Không đảm bảo sức khỏe	Sùng Sếnh Và	1969			Mông		Bản Pu Lau	Thay thế	
VII	Xã Na Ư			1								1					
1	Ly Cháy Mua	1958			Mông	Già làng	Bản Hua Thanh	Đã chết	Sùng Phá Ly	1964			Mông	Già làng	Bản Hua Thanh	Thay thế	
I	H. Điện Biên Đông			28								28					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
		Năm sinh								Năm sinh							
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Xã Pú Nhi			2								2					
1	Giàng Súa Cờ	1965			Mông	Già làng	Bản Nậm Ngám B	Chết	Giàng Dạ Chứ	1965			Mông	Trưởng dòng	Bản Nậm Ngám B	Thay thế	
2	Hạng Khua Pó	1965			Mông	Già làng	Bản Phù Lông A	Không còn uy tín	Hạng Gà Sùng	1986			Mông	Trưởng dòng họ	Bản Phù Lông A	Thay thế	
II	Xã Nong U			3								3					
1	Phàng Chừ Sớ	1970			Mông	Già làng	Bản Dư O A	Không còn uy tín	Phàng Nhìa Di	1970			Mông	Trưởng dòng	Bản Dư O A	Thay thế	
2	Hờ Pà Tũa	1966			Mông	Già làng	Bản Tà Té A	Không còn uy tín	Hờ A Khua	1973			Mông	Trưởng dòng	Bản Tà Té A	Thay thế	
3	Lò Văn Đại	1977			Thái	Trưởng dòng	Bản Thanh	Không còn uy tín	Lường Văn Sinh	1968			Thái	Trưởng dòng	Bản Thanh	Thay thế	
III	Xã Phì Nhừ			8								8					
1	Vừ Vả Mua	1967			Mông	Già làng	Bản Chua Ta A	Không còn uy tín	Vàng Giồng Lầu	1973			Mông	Già làng	Bản Chua Ta A	Thay thế	
2	Hạng Bua Sính	1963			Mông	Già làng	Bản Trống	Không còn uy tín	Vàng Nhìa Chổng	1969			Mông	Già làng	Bản Trống Giồng B	Thay thế	
3	Lầu Bua Xá	1960			Mông	Già làng	Bản Cồ Dề	Xin nghỉ	Vàng Súa Sính	1962			Mông	Già làng	Bản Cồ Dề	Thay thế	
4	Lầu Bua Sính	1945			Mông	Già làng	Bản Từ Xa B	Già yếu	Lầu Chồng Di	1958			Mông	Già làng	Bản Từ Xa B	Thay thế	
5	Hờ Chờ Súa	1960			Mông	Già làng	Bản Háng Trợ	Xin nghỉ	Hờ Ghia Pó	1972			Mông	Già làng	Bản Háng Trợ	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
		Họ tên NCUT	Nam	Nữ						Tổng	Họ tên NCUT	Nam					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
6	Hạ Chù Cầu	1962			Mông	Già làng	Bản Tào Xa A	Chết	Hạ Nhìa Tủa	1973			Mông	Già làng	Bản Tào Xa A	Thay thế	
7	Lầu Già Chứ	1970			Mông	Già làng	Bản Tào Xa B	Không còn uy tín	Lầu Khua Tủa	1978			Mông	Già làng	Bản Tào Xa B	Thay thế	
8	Vàng Phái Chính	1954			Mông	Già làng	Bản Trống Sur	Chết	Vàng A Thánh	1966			Mông	Già làng	Bản Trống Sur A	Thay thế	
IV	Xã Na Son			3								3					
1	Lò Văn Inh	1956			Thái	Già làng	Bản Na Phát	Tuổi cao	Quảng Văn Ruẩn	1965			Thái	Già làng	Bản Na Phát	Thay thế	
2	Lò Văn Ánh	1957			Thái	Già làng	Bản Pá Chuông - Pá Dên	Xin thôi	Lò Văn Hòa	1979			Thái	Già làng	Bản Pá Chuông - Pá Dên	Thay thế	
3	Lò Văn Chiêng	1954			Thái	Già làng	Bản Co Hả	Tuổi cao	Tòng Văn Anh	1958			Thái	Già làng	Bản Co Hả	Thay thế	
V	Xã Keo Lôm			4								4					
1	Mùa A Dế	1985			Mông	Già làng	Bản Trung Súa	Không còn uy tín	Mùa Ngọc Tú	1960			Mông	CB Hưu trí	Bản Trung Súa	Thay thế	
2	Thào Bua Lồng	1962			Mông	Già làng	Bản Keo Lôm I	Không còn uy tín	Vàng A Dia	1990			Mông	Già Làng	Bản Keo Lôm I	Thay thế	
3	Quảng Văn Sùng	1954			khơ Mú	Già làng	Bản Suối Lư I	Chết	Lò Văn Đồi	1961			Khơ Mú	Già Làng	Bản Suối Lư I	Thay thế	
4	Lò Văn Thu	1940			Thái	Già làng	Bản Xam Măn I	Già yếu	Quảng Văn Toan	1972			Thái	Già Làng	Bản Xam Măn I	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
		Năm sinh								Năm sinh							
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
VI	xã Chiềng Sơ			2							2						
1	Giàng Chờ Sớ	1958			Mông	CB nghỉ	Bản Háng Tàu	Già yếu	Lầu Dứa Pó	1972			Mông	Già Làng	Bản Háng Tàu	Thay thế	
2	Sùng Gà Nénh	1970			Mông	Già làng	Bản Thăm Chầu	Không còn uy tín	Lầu Xáy Chu	1978			Mông	Già Làng	Bản Thăm Chầu	Thay thế	
VII	Xa Dung			3							3						
1	Lầu Già Nu	1947			Mông	Trưởng dòng	Bản Chúa Thò	Chết	Sùng Phá Lầu	1956			Mông	Già Làng	Bản Chúa Thò	Thay thế	
2	Lầu Vả Sự	1971			Mông	Trưởng dòng	Bản Nà Sản a	Ko còn ở nơi cư trú	Lầu Khua Mo	1969			Mông	Trưởng dòng	Bản Nà Sản a	Thay thế	
3	Vừ Giồng Pó	1950			Mông	Trưởng dòng họ	Bản Mường Tĩnh B	Không còn uy tín	Giàng Chù Di	1957			Mông	Già Làng	Bản Mường Tĩnh B	Thay thế	
VIII	Xã Luân Giới			3							3						
1	Lù Văn Tủa	1950			Thái	Trưởng dòng	Bản Pá Khôm	Không còn uy tín	Cà Văn Số	1953			Thái	Già Làng	Bản Pá Khôm	Thay thế	
2	Lò Văn Phinh	1969			Thái	SXKD giỏi	Bản Yên Bua	Không còn uy tín	Lò Văn Diên	1964			Thái	SXKD giỏi	Bản Yên Bua	Thay thế	
3	Lường Văn Thu	1981			Thái	Trưởng dòng họ	Bản Co Cườm	Không còn uy tín	Vì Văn Thoan	1959			Thái	Trưởng dòng họ	Bản Co Cườm	Thay thế	
K	Huyện Nậm Pồ			8							8						

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng						Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Xã Chà Cang			1								1					
1	Hàng A Sinh	1955			Mông	Thành phần khác	Bản Hô Hải	Không tham gia hoạt động	Sùng A Sừ	1977			Mông	Thành phần khác	Bản Hô Hải	Thay thế	
II	Xã Na Cô Sa			2								2					
1	Giàng A Sang	1978			Mông	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Huổi Thùng I	Không tham gia hoạt động	Giàng A Ký	1977			Mông	Thành phần khác	Huổi Thùng I	Thay thế	
2	Phàng A Lồng	1960			Mông	Già Làng	Na Cô Sa II	Chuyển đi nơi khác sinh sống	Hạng A De	1966			Mông	Thành phần khác	Na Cô Sa II	Thay thế	
III	Xã Pa Tẩn			2								2					
1	Vàng Văn Ấn	1948			Thái	Cán bộ nghỉ hưu	Bản Pa Tẩn	Sức khỏe không đảm bảo	Vàng Văn Chiêng	1958			Thái	Cán bộ nghỉ hưu	Bản Pa Tẩn	Thay thế	
2	Chảo Nê Trình	1966			Dao	Thành phần khác	Bản Huổi Sâu	Không có uy tín	Chảo San On	1966			Dao	Cán bộ nghỉ hưu	Bản Huổi Sâu	Thay thế	
IV	Xã Vàng Đán			1								1					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng						Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+1)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Cư A Sủ	1962			Mông	Thành phần khác	Bản Ham Xoong II	Không có uy tín	Mùa A Dơ	1952			Mông	Thành phần khác	Bản Ham Xoong II	Thay thế	
V	Xã Nà Hỳ			2								2					
1	Giàng A Tính	1954			Mông	Thành phần khác	Huổi Sang	Sức khỏe yếu	Thào A Vư	1956			Mông	Thành phần khác	Huổi Sang	Thay thế	
2	Trần Xuân Kiêu	1962			Kinh	Thành phần khác	Nà Hỳ 2	Sức khỏe yếu	Lò Văn Phó	1955			Thái	Cán bộ nghỉ hưu	Nà Hỳ 2	Thay thế	

TỔNG HỢP DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên)

Biểu 02

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số	1.241	1.207	34														
A	TP. Điện Biên Phủ	95	90	5														
I	Phường Nam Thanh	6																
1	Cà Văn Lún		1950		Thái	Bản Hoong En	8/10	x									x	
2	Lù Văn Chí		1959		Thái	Bản Pom Loi	12/12	x									x	
3	Lù Văn Đồi		1956		Thái	Bản Noong Chứn	10/10										x	
4	Lò Văn Thắm		1978		Thái	Bản Co Cáng	7/12		x									
5	Lò Thị Phiến			1957	Thái	Bản Khá	7/10	x									x	
6	Lò Văn Thận		1965		Thái	Bản Pa Pe	12/12			x								
II	Phường Noong Bua	4																
1	Lò Văn Ánh		1942		Thái	Bản Noong Bua	7/10			x							x	
2	Lò Nguyên Hạnh		1957		Thái	TDP 4 Khe Chít	TC				x						x	
3	Lò Văn Hặc		1957		Thái	Bản Hồng Lúu	7/10											
4	Lò Văn Xương		1965		Thái	Bản Phiêng Bua	7/10											
III	Phường Thanh Trường	5																

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Lường Thị Loan			1963	Thái	Bản Na Lanh	7/10											
2	Lường Văn Lả		1942		Thái	Bản Ta pô	7/10										x	
3	Lường Văn Sơn		1956		Thái	Bản Na púng	7/10											
4	Cà Văn Lả		1961		Thái	Bản Mớ	7/10		x								x	
5	Lường Văn Ổn		1945		Thái	Bản Che phai	7/10										x	
IV	Phường Him Lam	3																
1	Lò Văn Ổn		1966		Thái	Bản Him Lam I	4/10	x										
2	Lường Văn Hịa		1943		Thái	Bản Him Lam II	4/10	x										
3	Lường Văn Dọn		1965		Thái	Bản Huổi Phạ	6/10			x								
V	Xã Thanh Minh	12																
1	Lò Văn Chiến		1958		Thái	Bản Púng Tôm	7/10	x									x	
2	Lường Thị Mắng			1956	Thái	Bản Na Loi	7/10				x						x	
3	Lò Văn Păn		1960		Thái	Bản Tân quang	7/10			x							x	
4	Vàng Nhìa Thảo		1945		Mông	Bản Pa Pôm	0	x										
5	Tòng Văn Khội		1953		Thái	Bản Phiêng loi	TC				x						x	
6	Lò Thị Uôn			1958	Khơ mú	Bản Huổi loi	0	x										
7	Nguyễn Văn Hải		1950		Mường	Tổ dân phố 2	7/10				x							
8	Cà Văn Ệm		1954		Thái	Bản Co cú	4/10	x										

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
9	Mai Vĩnh Linh		1943		Mông	Bản Tà Lèng	7/10				x							
10	Lò Văn Nhói		1938		Thái	Bản Nà Nghè	4/10									x		
11	Dương Văn Minh		1967		Mông	Bản Kê Nênh	7/12										x	
12	Lò Văn Pằng		1962		Thái	Cụm Lọng Hỏm	7/10									x		
VI	Xã Nà Nhạn	14																
1	Lò Văn So		1936		Thái	Pá Khôm	2/10	x										
2	Lường Văn Pánh		1959		Thái	Nà Ngám 1	9/10	x			x						x	
3	Lù Văn Nội		1970		Thái	Nà Ngám 2	9/12	x									x	
4	Lò Văn Tiên		1964		Thái	Huổi Hẹ	5/10	x										
5	Quảng Văn Pó		1951		Thái	Nà Nội 1	5/10	x										
6	Lò Văn Chiến		1959		Thái	Nà Nội 2	5/10	x										
7	Lò Văn Út		1954		Thái	Tầu Pung	4/10	x									x	
8	Vì Văn Tộ		1942		Thái	Nà Nhạn 1	5/10				x						x	
9	Lò Văn Hịa		1944		Thái	Nà Nhạn 2	4/10	x									x	
10	Mùa A Chính		1962		Mông	Nà Pen 1	5/10	x									x	
11	Vàng Cháy Nô		1961		Mông	Nà Pen 2	2/10	x										
12	Giàng Phá Si		1971		Mông	Nậm Khẩu Hú	3/10	x										
13	Lý A Giàng		1977		Mông	Huổi Chỏn	2/10	x										

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
14	Lò Văn Diện		1974		Thái	Huổi Học	9/12			x							x	
VII	Xã Nà Tấu	15																
1	Vàng A mệnh		1967		Mông	Bản Hua Rôm	5/10		x									
2	Lò Văn Lả		1963		Thái	B. Tà Cáng	5/10		x									
3	Lò Văn Nội		1947		Thái	B.Phiêng Ban	4/10		x								x	
4	Lò Văn Phát		1958		Thái	Nà Láo	7/10		x									
5	Lò Văn Ôn		1964		Thái	Bản Xôm	7/10		x								x	
6	Tòng Văn Anh		1952		Thái	Lán Yên	7/11				x						x	
7	Lường Văn phầu		1960		Thái	Nà Cái	5/10		x									
8	Lìu Ní Hùng		1961		Hoa	Bản Hoa	5/10		x									
9	Cà Văn Lưu		1968		Thái	Bản Cang	7/10		x									
10	Lò Văn Tiêng		1954		Thái	Hua Luổng	7/10				x						x	
11	Lò Văn Xương		1946		Thái	Nà Luổng	7/10				x						x	
12	Lò Văn Hoàn		1957		Thái	Hồng Lú	7/10				x						x	
13	Lò Văn Khựt		1960		Thái	Nà Tấu 3	7/10				x						x	
14	Lò Văn Inh		1940		Thái	Nà Tấu 1	7/10				x						x	
15	Lò Văn Ấn		1942		Thái	Nà Tấu 2	5/10				x						x	
VIII	Mường Phăng	20																

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Hù A Lạng		1966		Mông	Bản Lọng Háy	3/10									x		
2	Mùa A Vừ		1960		Mông	Bản Lọng Luông 1	5/10			x								
3	Giàng A Thẹ		1955		Mông	Bản Lọng Luông 2	7/10			x								
4	Vàng A Gấu		1970		Mông	Bản Lọng Nghịu	4/10			x								
5	Lường Văn Lả		1954		Thái	Bản Co Luống	7/10									x		
6	Lường Văn Thương		1960		Thái	Bản Khẩu Cắm	5/10									x		
7	Lò Văn Bánh		1949		Thái	Bản Co Mận	4/10	x										
8	Lò Văn Linh		1944		Thái	Bản Cang 1	4/10	x										
9	Lù Văn Ổn		1962		Thái	Bản Cang 2	7/10	x										
10	Lò Văn Hặc		1950		Thái	Bản Yên 1	3/10	x										
11	Lò Văn Lả		1956		Thái	Bản Che Cắn	7/10	x										
12	Lường Văn Sơn		1960		Thái	Bản Yên 2	5/10			x							x	
13	Cà Văn Khảm		1960		Thái	Bản Bánh	7/10									x	x	
14	Lường Văn Bánh		1948		Thái	Bản Phăng 1	2/10			x							x	
15	Lường Văn Ứn		1960		Thái	Bản Phăng 3	7/10			x							x	
16	Lò Văn Phin		1962		Thái	Bản Tân Bình	7/10									x	x	
17	Cà Văn Lả		1955		Thái	Bản Khá	7/10									x		
18	Lò Thị Quyết			1984	Thái	Xóm Trung Tâm	12/12			x							x	

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
19	Lò Văn Biên		1950		Thái	Bản Bua	10/10				x						x	
20	Lò Văn Hưởng		1965		Thái	Bản Co Lú	7/10			x							x	
X	Xã Pá Khoang	16																
1	Lò Văn Ổn		1952		Thái	Bản Đông Mệt 1	4/10				x							
2	Lò Văn Giót		1954		Thái	Bản Đông Mệt 2	4/10				x						x	
3	Lò Văn Sơn		1957		Thái	Bản Co Thón	4/10									x		
4	Lò Văn Diên		1956		Thái	Bản Xôm	4/10									x	x	
5	Lường Văn Láo		1950		Thái	Bản Xôm 3	7/10				x						x	
6	Quảng Văn Mứn		1958		Khơ Mú	Bản Ten	3/10									x	x	
7	Lò Văn Dững		1961		Khơ Mú	Bản Kéo	4/10									x		
8	Lường Văn Hương		1960		Thái	Bản Nghịu	5/10									x	x	
9	Lò Văn Lả		1966		Khơ Mú	Bản Co Muông	4/10									x		
10	Lường Văn Dinh		1956		Thái	Bản Hả	4/10									x	x	
11	Lường Văn Sơn		1963		Thái	Bản Sáng	7/10									x	x	
12	Quảng Văn Xịch		1948		Thái	Bản Bó	4/10									x	x	
13	Lò Văn Dên		1966		Khơ Mú	Bản Co Cượm	4/10			x							x	
14	Bạc Cẩm Inh		1963		Thái	Bản Pá Trá	4/10			x							x	
15	Quảng Văn Sọ		1952		Khơ Mú	Bản Vang	2/10									x	x	

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đang viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
16	Quảng Văn Ca		1961		Khơ Mú	Bản Pú Sung	4/10									x	x	
B	Thị xã Mường Lay	32	27	5														
I	Phường Na Lay	13																
1	Điêu Văn Sín		1947		Thái	Bản Na Nát	3/10									x		
2	Lù Văn Chanh		1958		Thái	Bản Đố	7/10				x						x	
3	Khoảng Thị Phạnh			1952	Thái	Tổ dân phố 1	7/10									x	x	
4	Mào Minh Mến			1950	Thái	Tổ dân phố 4	10/10				x					x	x	
5	Lìm Văn Sóng		1956		Thái	Bản Hốc	5/10									x		
6	Lường Văn Phái		1950		Thái	Bản Nậm Cản	6/10									x		
7	Khoảng Văn Sịn		1945		Thái	Bản Chi Luông 1	5/10									x		
8	Sìn Thị Vui			1955	Thái	Bản Chi Luông 2	5/10									x		
9	Vàng Văn Huyn		1953		Thái	Bản Quan Chiêng	7/10									x		
10	Chiu Văn Pẩu		1950		Thái	Bản Xá	5/10									x		
11	Điêu Văn Hặc		1955		Thái	Bản Nghé Toong	3/10									x		
12	Khoảng Văn Thiệp		1939		Thái	Bản Đán	6/10									x	x	
13	Lò Văn Óp		1954		Thái	Tổ dân phố 3	10/10				x						x	
II	Xã Lay Nưa	16																
1	Khoảng Thị Chai			1961	Thái	Bản Ho Luông 1	7/10				x						x	

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Lò Văn Hoi		1960		Thái	Bản Ho Luông 2	7/10				x						x	
3	Lò Văn Quyết		1962		Thái	Bản Ho Luông 3	8/10									x	x	
4	Chui Văn Vui		1956		Thái	Bản Ổ	6/10	x									x	
5	Lò Văn Phiên		1967		Thái	Bản Bắc 1	7/10									x	x	
6	Ngô Văn Sơn		1959		Thái	Bản Bắc 2	7/10									x		
7	Lò Văn Châu		1957		Thái	Bản Na Ka	7/10									x		
8	Lò Văn Sụp		1950		Thái	Bản Mo 1	7/10	x										
9	Lâm Tiến Xuân		1953		Thái	Bản Ho Cang	7/10				x							
10	Hoàng Thị Hương			1971	Thái	Bản Tạo Sen	7/10									x		
11	Sìn Văn Vị		1956		Thái	Bản Ló	7/10									x		
12	Điêu Chính Hợp		1951		Thái	Bản Lé	7/10	x										
13	Giàng A Lù		1955		Mông	Bản Huổi Luân	5/10	x									x	
14	Giàng Chờ Thề		1962		Mông	Bản Hồ Huổi Luông	3/10									x		
15	Hờ A Sầu		1975		Mông	Bản Hồ Nậm Cản	5/10									x		
16	Lò Văn Đông		1957		Thái	Bản Mo 2	7/10									x	x	
III	Phường Sông Đà	3																
1	Điêu Văn Phòng		1970		Thái	Tổ dân phố 01	7/10									x	x	
2	Khoảng Văn Nguyên		1959		Thái	Tổ dân phố 05	5/10									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Lầu A Dính		1931		Mông	Bản Huổi Mìn	5/10	x										
C	Huyện Mường Chà	104	100	4														
I	Xã Nậm Nèn	8																
1	Tòng Văn Sâm		1954		Thái	Bản Nậm Nèn II	4/10								x			
2	Ly A Dính		1988		Mông	Bản Cứu Táng	9/12								x			
3	Lò Văn Kéo		1963		Kho Mú	Bản Hồ Mực	4/10									x	x	
4	Lò Văn Nhoi		1969		Thái	Bản Nậm Cút	7/12									x	x	
5	Lò Văn Phanh		1950		Kháng	Bản Phiêng Đất A	2/10								x			
6	Đieu Chính Noi		1975		Thái	Bản Phiêng Đất B	7/12									x	x	
7	Lò Văn Sím		1957		Thái	Bản Nậm Nèn I	5/10									x	x	
8	Hạng A Dua		1985		Mông	Bản Háng Trở	5/12									x	x	
II	Xã Pa Ham	7																
1	Giàng Trồng Di		1954		Mông	Bản Huổi Đáp	2/10									x		
2	Thào Chia Tùng		1972		Mông	Bản Huổi Bon	4/10									x		
3	Lò Văn Ngân		1964		Thái	Bản Mường Anh I	4/10									x		
4	Lò Văn Khệt		1965		Thái	Bản Phong Châu	4/10									x		
5	Lò Văn Chú		1940		Thái	Bản Pa Ham	4/10									x		
6	Lò Văn Than		1939		Thái	Bản Mường Anh II	2/10									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
7	Giàng Dụ Chổng		1954		Mông	Bản Huổi Cang	2/10									x		
III	Xã Mường Tùng	11																
1	Lò Thị Mai			1962	Thái	Bản Pom Cại	5/10									x	x	
2	Lù Thị Thom			1970	Thái	Bản Mường Tùng	7/10									x		
3	Lù Văn Vặn		1959		Thái	Bản Tin Tộc	10/10				x						x	
4	Giàng Chá Dế		1972		Mông	Bản Huổi Chá	5/10			x								
5	Lường Văn Phương		1955		Thái	Bản Nậm He	7/10	x									x	
6	Lò Văn Chơ		1957		Thái	Bản Huổi Sáy	7/10									x	x	
7	Ly A Ẹ		1957		Mông	Bản Nậm Cang	3/10									x		
8	Ly A Ca				Mông	Bản Nậm Piền	9/12					x						
9	Chang Nò Chu		1957		Mông	Bản Đán Đanh	3/10									x		
10	Ly Xính Xê		1967		Mông	Bản Púng Trạng	7/10									x		
11	Chang A Cá		1966		Mông	Bản Huổi Diết	5/10									x		
IV	Xã Huổi Mí	10																
1	Giàng A Sẻ		1968		Mông	Bản Lùng Thàng 2	2/10									x		
2	Cứ Súa Thào		1974		Mông	Bản Pa Soan 1	4/12									x		
3	Vừ Giồng DE		1943		Mông	Bản Lùng Thàng 1	1/10									x		
4	Vừ Giồng Sờ		1975		Mông	Bản Huổi Mí 1	3/12									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
5	Giàng Chứ Trầu		1958		Mông	Bản Huổi Mí 2	2/10									x		
6	Lò Văn Thiện		1969		Thái	Bản Long Tạo	2/10									x		
7	Khoàng Pa Lâu		1959		Thái	Bản Pa Ít	2/10									x		
8	Vừ Nụ Páo		1974		Mông	Bản Huổi Ít	5/12									x		
9	Vừ Chứ Giàng		1972		Mông	Bản Huổi Xuân	2/10									x		
10	Hồ A Lồng		1990		Mông	Bản Pan Soan 2	8/12									x		
V	Xã Huổi Lèng	7																
1	Sần Sủi Mìn		1975		Hoa	Bản Huổi Lèng	4/12									x		
2	Giàng Xá Sừ		1964		Mông	Bản Huổi Toóng I	4/12									x		
3	Hạng Sùa Sáng		1952		Mông	Bản Trung Đình	4/10									x		
4	Giàng Xá Thàng		1954		Mông	Bản Huổi Toóng II	5/10				x							
5	Sùng Chờ Máng		1982		Mông	Bản Ca Dính Nhè	5/12		x									
6	Sùng Vảng Dừng		1954		Mông	Bản Ma Lù Thàng	9/12				x							
7	Sùng Nhè Chứ		1962		Mông	Bản Nậm Chua	5/10									x		
VI	Xã Ma Thi Hồ	12																
1	Ly A Vừ		1990		Mông	Bản Nậm Chim	9/12									x		
2	Vàng Chồng Tăng		1987		Mông	Bản Huổi Mỹ	9/12									x		
3	Vàng A Dơ		1948		Mông	Bản Huổi Quang I	2/10									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Chánh Giồng Sính		1977		Mông	Bản Huổi Y	5/12									x		
5	Chánh Súa Dơ		1975		Mông	Bản Huổi Quang II	5/12									x		
6	Sùng Nhè Câu		1957		Mông	Bản Ma Thi Hồ II	3/10									x		
7	Sùng Giồng Chua		1966		Mông	Bản Làng Dung	3/10									x		
8	Vàng A Dia		1954		Mông	Bản Huổi Sang	2/10									x		
9	Vừ Sáy Lồng		1958		Mông	Bản Hồ Chim I	2/10									x		
10	Vừ Chổng Pao		1980		Mông	Bản Hồ Chim II	4/12									x		
11	Giàng A Ký		1982		Mông	Bản Huổi Chua	2/12									x		
12	Sùng Chổng Pùa		1972		Mông	Bản Ma Thi Hồ I	2/10									x		
VII	Xã Hừa Ngải	8																
1	Mùa Chừ Tủa		1950		Mông	Bản Há Là Chủ A	1/10									x		
2	Sùng Giồng Xia		1943		Mông	Bản Há Là Chủ B	2/10									x		
3	Giàng Sáy Vừ		1954		Mông	Bản San Suối	4/12		x									
4	Sùng Phái Hoa		1976		Mông	Bản San Sả Hồ	5/12									x		
5	Ly Gà Sáng		1954		Mông	Bản Phi Công	3/10									x		
6	Vàng Giồng Chừ		1967		Mông	Bản Hừa Ngải	2/10									x		
7	Giàng Trùng Chở		1962		Mông	Bản Hát Tre	5/9		x									
8	Mùa Vạn Nhè		1972		Mông	Bản Phua Dì Tổng	2/12									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
VIII	Xã Sá Tổng	9																
1	Sùng Khoa Páo		1956		Mông	Bản Dế Da		x										
2	Vàng Vàng Hờ		1945		Mông	Bản Trung Ghênh	4/10	x										
3	Hờ Bía Tú		1957		Mông	Bản Sá Tổng		x										
4	Giàng Chùng Dính		1971		Mông	Bản Phi Hai		x										
5	Giàng A Khai		1970		Mông	Xà Phình I		x										
6	Giàng Chá Hờ		1969		Mông	Bản Háng Mò Lừ		x										
7	Hờ Bía Lù		1948		Mông	Bản Xá Ninh	9/10	x										
8	Giàng Nhè Sính		1972		Mông	Bản Xá Phìn II	3/10	x										
9	Giàng Chừ Dính		1958		Mông	Bản Đẻ Dê		x										
IX	Xã Sa Long	6																
1	Sản Quán Sính		1957		Hoa	Bản Thèn Pá	2/10									x		
2	Vàng Chồng Chia		1960		Mông	Bản Cống Trời	4/10									x		
3	Chớ Bía Hồ		1952		Mông	Bản Sa Long I	4/10									x		
4	Hồ Giồng Chua		1976		Mông	Bản Sa Long II	5/12									x		
5	Lý Dụ Cáng		1962		Mông	Bản 36	3/10									x		
6	Hồ Nhè Chừ		1958		Mông	Bản Chiêu Ly	2/10									x		
X	Xã Na Sang	10																

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Mào Văn Lại		1963		Thái	Bản Na Pheo	7/10									x		
2	Lò Văn Kẹo A		1957		Khơ Mú	Bản Na Sang	3/10									x		
3	Cà Văn Sy		1951		Khơ Mú	Bản Co Đũa	2/10									x		
4	Lò Văn Hặc		1950		Kháng	Bản Hin I	3/10									x		
5	Lường Văn Kẹo		1945		Kháng	Bản Hin II	5/10									x		
6	Giàng A Ténh		1957		Mông	Bản Huổi Lóng	2/10									x		
7	Vàng Chừ Chĩa		1949		Mông	Bản Huổi Xưa	2/10									x		
8	Sinh Sái Lính		1958		Mông	Bản Huổi Xuân	2/10									x		
9	Lý Sầu Và		1964		Mông	Bản Nậm Bó	2/10									x		
10	Thào Chừ Dếnh		1964		Mông	Bản Huổi Hạ	2/10									x		
XI	Thị Trấn Mường Chà	5																
1	Lường Văn Phanh		1950		Thái	Tổ dân phố số 1	5/10									x		
2	Lò Văn Ngoan		1951		Thái	Tổ dân phố số 2	5/10									x		
3	Hoàng Thị Sinh			1966	Thái	Tổ dân phố số 6	7/10									x		
4	Vàng Sáy Vừ		1939		Mông	Tổ dân phố số 13	2/10									x		
5	Lò Thị Thu			1960	Thái	Tổ dân phố số 11	10/10									x		
XII	Xã Mường Mươn	11																

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Lò Văn Pân		1950		Thái	Mường Mươn I	5/10									x		
2	Lò Văn Bun		1952		Thái	Mường Mươn II	5/10									x		
3	Lò Thị Pánh			1975	Khơ Mú	Huổi Vang	4/10									x		
4	Lý Văn Lún		1957		Khơ Mú	Púng Giắt I	7/10									x		
5	Lò Văn Lún		1954		Khơ Mú	Púng Giắt II	3/10									x		
6	Sùng Duốc Pó		1962		Mông	Huổi Nhả	4/10									x		
7	Sùng Giổng Vừ		1965		Mông	Kết Tinh	3/10									x		
8	Mùa A Vừ		1980		Mông	Pú Múa	5/10									x		
9	Lý A Khư		1945		Mông	Huổi Ho	3/10									x		
10	Giàng A Súa		1940		Mông	Pú Chả	2/10									x		
11	Hờ A Lử		1968		Mông	Huổi Meo	4/10									x		
D	Huyện Mường Ảng	99	99															
I	Xã Búng Lao	14																
1	Lò Văn Ế		1941		Thái	Bản Búng	2/10									x		
2	Quảng Văn Sinh		1973		Khơ Mú	Bản Huổi Cẩm	5/12									x		
3	Lò Văn Khảy		1974		Thái	Bản Nà Lầu	9/12			x								

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Lò Văn Tường		1946		Thái	Bản Xuân Tre II	4/10									x		
5	Lường Văn Hương		1973		Thái	Bản Chợ	7/12									x		
6	Lò Văn Tâm		1968		Thái	Bản Hồng Sọt	6/10			x								
7	Lường Văn Thiện		1984		Thái	Bản Xuân Món	9/12			x							x	
8	Lò Văn Hạc		1952		Thái	Bản Co Nồng	2/10									x		
9	Vàng A Sênh		1977		Mông	Bản Pú Nen	4/10									x		
10	Lò Văn Dương		1949		Thái	Bản Xuân Tre I	4/10									x		
11	Lường Văn Hồ		1960		Thái	Bản Nà Dên	5/10									x		
12	Lò Văn Hóa		1971		Thái	Bản Pá Tong	9/12			x						x	x	
13	Vàng A Chia		1979		Mông	Bản Pá Sáng	9/12									x	x	
14	Giàng Chứ Vàng		1963		Mông	Bản Kéo Nánh	3/10									x		
II	Xã Ảng Càng	18																
1	Sùng Sáy Hờ		1974		Mông	Bản Pu Kai	3/10									x		
2	Thào Chứ Thái		1968		Mông	Bản Pu Khó	2/10									x		
3	Vừ Nhia Đế		1962		Mông	Bản Hua Nặm	2/10	x										
4	Lường Văn Bình		1955		Thái	Bản Mánh Đanh	3/10									x		
5	Cà Văn Sinh		1950		Thái	Bản Hua Ná	2/10	x										
6	Lò Văn Dương		1943		Thái	Bản Co En	4/10									x	x	

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
7	Lò Văn Sỹ		1954		Thái	Bản Kéo	3/10	x										
8	Cà Văn Thòi		1968		Thái	Bản Noong Háng	3/10									x	x	
9	Lù Văn Nụi		1960		Thái	Bản Huổi Sứa	4/10									x		
10	Lò Văn Hịa		1960		Thái	Bản Cỏi Bánh	3/10									x		
11	Lường Văn Pộm		1944		Thái	Bản Hua Nguồng	2/10									x		
12	Cà Văn Ế		1947		Thái	Bản Pom Ké	3/10									x	x	
13	Lò Văn Bạ		1969		Thái	Bản Hồng Sọt	4/10									x		
14	Hồ Dứa Dế		1959		Mông	Bản Pú Súa	4/10									x		
15	Lường Văn Ưống		1954		Thái	Bản Co Săn	3/10									x		
16	Lù Văn Lả		1973		Thái	Bản Hón Sáng	5/10	x										
17	Quàng Văn Hương		1975		Thái	Bản Giảng	5/10									x		
18	Hồ Sái Phía		1950		Mông	Pá Liếng	4/10									x		
III	Xã Ngòi Cáy	8																
1	Tòng Văn Xuyên		1962		Thái	Bản Săng	4/10		x									
2	Lò Văn Miên		1963		Thái	Bản Ngồi	5/10								x			
3	Lò Văn Yêu		1939		Thái	Bản Cáy	2/10	x										
4	Tráng A Dơ		1964		Mông	Bản Chan III	4/10	x										
5	Mùa A Chư		1970		Mông	Bản Nặm Cúm	5/10								x			

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
6	Lò Văn Giót		1952		Thái	Bản Xuân Ban	3/10				x							
7	Lò Văn Biển		1971		Thái	Bản Nong	5/10								x			
8	Bạc Cầm Hải		1963		Thái	Bản Co Hầm	3/10	x										
IV	Xã Mường Lạn	9																
1	Tòng Văn Chủ		1961		Thái	Bản Hua Ná	4/10		x									
2	Lò Văn Pó		1958		Thái	Bản Có	5/10			x								
3	Lò Văn Dương		1942		Thái	Bản Xuân Lửa	4/10		x									
4	Lò Văn Tun		1954		Thái	Bản Lạn	4/10		x									
5	Lò Văn Hà		1962		Thái	Bản Nhộp	4/7				x							
6	Quảng Văn Lả		1957		Thái	Bản Bon	5/10									x		
7	Lò Văn Dọn		1942		Thái	Bản Co Sắn	3/10									x		
8	Lò Văn Điện		1970		Thái	Bản Huổi Ly	2/12								x		x	
9	Lù Văn Bổng		1955		Khơ Mú	Bản Pá Nặm	4/10			x								
V	Mường Đăng	11																
1	Lường Văn Đoàn		1956		Thái	Bản co muông	3/10	x										
2	Lò Văn Khón		1949		Thái	Bản Đăng	2/10				x						x	
3	Lò Văn Muôn		1941		Thái	Bản Pọng	2/10				x						x	
4	Bạc Cầm Khan		1959		Thái	Bản Xôm	4/10									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
5	Giàng A Páo		1971		Mông	Bản Nặm Pọng	5/10									x		
6	Lý A Tạng		1969		Mông	Bản Chan I	3/10									x		
7	Lý A Lệnh		1964		Mông	Bản Chan II	4/10									x		
8	Quàng Văn Liễn		1959		Thái	Bản Co Pháy	4/10									x		
9	Quàng Văn Pâng		1942		Thái	Bản Thái	3/10									x		
10	Lý A Sủ		1969		Mông	Bản Pơ Mu	3/10									x		
11	Quàng Văn Án		1960		Thái	Bản Ban	3/10									x		
VI	Xã Ảng Tờ	6																
1	Lò Văn Thắng		1971		Khơ Mú	Bản Cha Cuông	7/10			x							x	
2	Hồ A Páo		1975		Mông	Bản Huổi Chôn	5/10			x								
3	Quàng Văn Chiến		1969		Thái	Bản Cha Nọ	3/10				x						x	
4	Nguyễn Thị Hồng		1950		Kinh	Bản Bua I	4/10				x							
5	Quàng Văn Tây		1943		Thái	Bản Bua II	5/10				x						x	
6	Lý A Cá		1960		Mông	Bản Huổi Châng	3/10									x		
VII	Xã Xuân Lao	14																
1	Lò Văn Tín		1947		Thái	Bản Kéo	3/10	x										
2	Lò Văn Phúc		1958		Thái	Bản Lao	3/10									x	x	
3	Tông Văn Xuân		1959		Thái	Món Hà	4/10									x	x	

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Lò Văn Hóa		1963		Thái	Pháy Váng	5/10									x	x	
5	Lò Văn Mặn		1963		Thái	Co Muông	5/10			x								
6	Vàng Chứ Mua		1962		Khơ Mú	Phiêng Lao	3/10			x								
7	Giàng Giống Dừa		1959		Mông	Pha Hún	4/10	x										
8	Lò Văn Sang		1961		Thái	Pá Lạn	3/10	x										
9	Lò Văn Linh		1958		Thái	Co Hón	4/10	x										
10	Lò Văn Oi		1937		Thái	Bản Pí	2/10	x										
11	Hồ Phái Tà		1982		Mông	Hua Pí	9/12									x	x	
12	Vàng Giống Sênh		1978		Mông	Thảm Tọ	2/10									x		
13	Sùng Nhì Chá		1935		Mông	Chùa Sáu	3/10	x										
14	Lường Văn Khứ		1965		Thái	Bản Khén	7/10	x										
VIII	Xã Ảng Nưa	10																
1	Lò Thị Pán		1961		Thái	Bản Cang	6/10				x						x	
2	Lý A Khứ		1950		Mông	Bản Tát Hẹ	4/10	x										
3	Quảng Văn Tấn		1957		Thái	Bản Cù	6/10	x									x	
4	Lò Văn Toàn		1955		Thái	Bản Na Luông	7/10				x						x	
5	Lò Văn Sứ		1959		Thái	Bản Tin Tộc	5/10	x										
6	Lò Văn Lá		1958		Thái	Bản Mới	5/10	x										

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
7	Lù Văn Thiện		1954		Thái	Bản Bó Mạy	7/10	x										
8	Lù văn Ọn		1956		Thái	Bản Lé	5/10		x								x	
9	Quảng Văn Thường		1949		Thái	Bản Co Hăm	7/10	x										
10	Lò Văn Sinh		1946		Thái	Bản Co Sáng	4/10	x									x	
IX	Xã Nậm Lịch	9																
1	Chá Chứ Chĩa		1961		Mông	Bản Pá Khôm	4/10									x		
2	Chá Súa Sùng		1961		Mông	Bản Thắm Phẳng	4/10						x					
3	Ly Khua Sáo		1945		Mông	Bản Thắm Hóng	3/10	x										
4	Lường Văn Tiêng		1961		Thái	Bản Lịch Nưa	3/10									x		
5	Quảng Văn Pánh		1941		Thái	Bản Ten	5/10	x										
6	Lường Văn Cu		1938		Thái	Bản Lịch Tở	3/10	x										
7	Quảng Văn Cói		1961		Thái	Bản Ít Nội	5/10									x	x	
8	Tòng Văn Hoa		1937		Thái	Bản Lịch Cang	3/10	x									x	
9	Mùa Chủ Hờ		1982		Mông	Bản Huổi Lường	7/12									x		
E	Huyện Mường Nhé	112	108	4														
I	Xã Sín Thầu	7																
1	Chảo Khò Tư		1980		Hà Nhì	Lý Mạ Tá	5/12									x		
2	Mạ Gió Tư		1960		Hà Nhì	Tá Miếu	7/10				x						x	

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Sùng Váng Phù		1962		Hà Nhì	Pờ Nhù Khò	5/12	x										
4	Chang Vắng Sinh		1952		Hà Nhì	A Pa Chải	0								x			
5	Lý Ha Tư		1980		Hà Nhì	Bản Tả Sú Linh	7/12									x		
6	Su Pó Lông		1975		Hà Nhì	Tà Kổ Khừ	5/12									x		
7	Lý Go Sàng		1981		Hà Nhì	Tà Kổ Ky	6/12									x		
II	Xã Sen Thượng	7																
1	Lò Phạ Dền		1963		Hà Nhì	Bản Sen Thượng	5/10	x									x	
2	Khoảng Lồng Cà		1983		Hà Nhì	Bản Pa Ma	4/12									x		
3	Phùng Xê Tư		1973		Hà Nhì	Bản Chiêu Sùng	5/12									x		
4	Chang Gió Chừ		1983		Hà Nhì	Bản Long San	5/12									x		
5	Khoảng Cha Lềng		1960		Hà Nhì	Bản Tả Khoa Pá	3/10	x										
6	Khoảng Phu Tư		1976		Hà Nhì	Bản Tả Ló San	5/12									x		
7	Khoảng Á Lù		1988		Hà Nhì	Bản Lò Sang Chải	6/12									x		
III	Xã Leng Su Sin	7																
1	Sùng Sùng Giá		1974		Hà Nhì	Leng Su Sin	4/12								x			
2	Hoàng Phù Tự		1984		Hà Nhì	Bản Suối Voi	5/12			x							x	
3	Pờ Ý Pò		1968		Hà Nhì	Bản Gia chữ	7/12	x										
4	Khoảng Sà Họa		1959		Hà Nhì	Bản Á Di	4/12	x										